

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1091/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 27 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế (tại Tờ trình số 73/TTr-SYT ngày 14 tháng 6 năm 2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Phú Yên”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Quang Nhất

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe
nhân dân đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-UBND
ngày 27/6/2013 của UBND tỉnh Phú Yên)*

A. PHẦN THỨ NHẤT

I. Kết quả thực hiện kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2001-2010

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế, các Bộ, ngành Trung ương, của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ trong toàn ngành y tế và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban ngành, đoàn thể; công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ở tỉnh ta tiếp tục đạt nhiều thành tựu quan trọng, thể hiện ở một số chỉ số sức khỏe cơ bản như giảm tỷ suất sinh, tỷ suất chết trẻ em, tỷ suất chết mẹ, tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em dưới 5 tuổi... Hầu hết các chỉ tiêu của Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2001-2010 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ:

- Về mạng lưới y tế cơ sở: Toàn ngành đã tập trung củng cố mạng lưới y tế cơ sở, đặc biệt là hệ thống y tế xã, phường và y tế thôn buôn; đến cuối năm 2010 đã có 100% số xã có Trạm y tế, 100% số thôn buôn có nhân viên y tế hoạt động, có 52% số xã có bác sỹ, 100% Trạm y tế có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh. Tiến bộ đặc biệt trong những năm qua là Trạm y tế xã đã tổ chức khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT).

- Về hệ thống y tế dự phòng: Đã được củng cố và phát triển từ tỉnh đến cơ sở. Nhiều dịch, bệnh nguy hiểm được khống chế, đẩy lùi và thanh toán. Các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế đạt kết quả tốt. Nhiều năm liền duy trì được tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi trên 95%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em dưới 5 tuổi từ 38% (năm 2000) giảm xuống còn 19,1% (năm 2010). Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm đã được sự quan tâm của các cấp chính quyền và sự hưởng ứng của nhân dân, hoạt động tuyên truyền, giáo dục, giám sát và thanh kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm thực hiện có hiệu quả thông qua sự

phối hợp liên ngành. Các hoạt động này đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân và giảm tỷ lệ các vụ ngộ độc thực phẩm, giảm tỷ lệ chết/mắc do ngộ độc thực phẩm.

- Công tác Dân số và Chăm sóc sức khỏe sinh sản đã đạt được những kết quả khả quan, hạn chế mức tăng dân số tự nhiên, tỷ suất sinh thô giảm từ 21,24‰ (năm 2000) xuống còn 15,9‰ (năm 2010). Chất lượng dân số được nâng lên, tuổi thọ bình quân của người dân Phú Yên năm 2009 là 71,1 tuổi, tăng 3 tuổi so với năm 1999; tỷ suất chết mẹ từ 98/100.000 trẻ đẻ sống (năm 2000) giảm xuống 70/100.000 trẻ đẻ sống (năm 2010); tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi giảm nhanh từ 46,75‰ (năm 2000) xuống còn 19,2‰ (năm 2010); tỷ lệ chết trẻ em dưới 5 tuổi từ 44‰ (năm 2000) xuống còn 25‰ (năm 2010).

- Về mạng lưới khám chữa bệnh: cùng với những thay đổi kinh tế-xã hội, mạng lưới khám chữa bệnh tỉnh ta đã phát triển và luôn có những đóng góp quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Số giường bệnh bình quân năm 2000 có 16,3 giường/vạn dân thì đến năm 2010, tỷ lệ giường bệnh/vạn dân là 19,3 giường (tương đương với các tỉnh trong khu vực và thấp hơn trung bình chung cả nước 20,5 giường), công suất sử dụng giường bệnh ở các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện đều vượt chỉ tiêu kế hoạch, nhiều kỹ thuật cao đã được nghiên cứu, ứng dụng thành công góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Công tác y dược học cổ truyền được quan tâm, đặc biệt là có sự kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong công tác khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

- Về cung ứng thuốc: đến cuối năm 2010, hệ thống phân phối thuốc được mở rộng từ tỉnh đến huyện, xã. Các cơ sở y tế từ bệnh viện đến Trạm y tế xã đều có đủ thuốc đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và phù hợp với phân tuyến kỹ thuật.

II. Những tồn tại và thách thức

- Hệ thống y tế dự phòng: Hiện nay công tác y tế dự phòng chưa được quan tâm đúng mức của xã hội, cơ sở vật chất, trang thiết bị đầu tư chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, số cán bộ được đào tạo chuyên ngành y tế dự phòng còn ít. Đầu tư kinh phí cho hệ thống y tế dự phòng còn thấp trong khi nhu cầu thực tế rất cần sự ưu tiên cho lĩnh vực này. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến hết sức phức tạp, nhiều bệnh truyền nhiễm gây dịch có nguy cơ bùng phát trở lại như: lao, sốt rét, sốt xuất huyết Dengue, viêm não do vi rút... Bên cạnh đó xuất hiện những bệnh mới khó xác định, khó điều trị và có nguy cơ bùng phát thành dịch như Cúm A H5N1, H1N1, H7N9... Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, nhất là ô nhiễm do hóa chất, các chất thải trong sinh hoạt, sản xuất chưa được xử lý tốt. Công tác

bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay chưa thật sự đi vào nề nếp, khâu thanh tra, kiểm tra chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Hệ thống khám chữa bệnh: Tỷ lệ giường bệnh trên dân số còn thấp, hầu hết các bệnh viện đều có công suất sử dụng giường bệnh cao. Điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các bệnh viện đã và đang được cải thiện, các kỹ thuật đã từng bước phát triển chuyên sâu nhưng còn chưa toàn diện, chưa đồng đều giữa các chuyên khoa, chuyên ngành; nhân lực có trình độ chuyên môn cao, sâu còn thiếu nhiều; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp. Nhìn chung hệ thống bệnh viện đang đứng trước thách thức về yêu cầu phục vụ ngày càng tăng, đòi hỏi chất lượng khám chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân nhưng điều kiện phục vụ còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được so với nhu cầu. Công tác quản lý bệnh viện còn nhiều vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn.

- Cung ứng dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) và chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS): Mức sinh ở một số địa phương còn cao đã tạo áp lực lớn cho ngành y tế trong việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân. Chất lượng dân số chậm được cải thiện, tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh có xu hướng gia tăng. Chất lượng các dịch vụ KHHGD, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em còn nhiều mặt hạn chế, tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi (thể thấp còi) ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm chậm, còn có sự khác biệt về sức khỏe bà mẹ, trẻ em giữa các vùng, miền và các nhóm dân cư.

- Tài chính y tế: Còn một số vấn đề đáng quan tâm; mặc dù tỷ lệ chi tiêu công cho y tế trong thời gian gần đây có tăng lên nhưng vẫn còn thấp so với nhu cầu. Ngân sách nhà nước đầu tư cho y tế chưa đáp ứng được các yêu cầu đầu tư phát triển ngành y tế. Ngân sách của tỉnh được phân bổ chủ yếu theo giường bệnh cho các bệnh viện hoặc số lượng cán bộ y tế ở các cơ sở y tế còn lại (thấp hơn so với các tỉnh trong khu vực) chưa tính đến kết quả đầu ra và chất lượng dịch vụ đã cung cấp. Chi ngân sách nhà nước cho y tế chủ yếu là chi thường xuyên, chi đầu tư còn thấp, khó cải thiện điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cơ sở y tế công lập.

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế: Tuy đã được quan tâm trong những năm gần đây nhưng vẫn chưa được cải thiện nhiều, chế độ tiền lương còn bất hợp lý đối với cán bộ y tế, chưa có chính sách ưu đãi cho cán bộ y tế phục vụ nhiều năm ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa; chính sách thu hút cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học về phục vụ ở tỉnh, nhất là tuyến y tế cơ sở chưa hiệu quả.

B. PHẦN THỨ HAI

Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao

sức khỏe nhân dân đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030; UBND tỉnh Phú Yên xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Quán triệt, triển khai cụ thể hóa những nội dung cơ bản của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030 vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Xác định mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu cho giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như những nhu cầu thực tế đặt ra trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chuyên môn (đầu môi), công tác phối hợp của các cấp, các ngành liên quan trong từng hoạt động, từng lĩnh vực cụ thể để hiện thực hóa các mục tiêu của Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Các sở, ngành chức năng, chuyên môn và địa phương tăng cường phối hợp, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch.

II. Mục tiêu**1. Mục tiêu chung**

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Phú Yên để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo định hướng công bằng, từng bước hiện đại, hiệu quả và phát triển; bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Người dân được sống trong một môi trường an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng dân số, góp phần vào cải thiện chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong và tàn tật; khống chế các bệnh truyền nhiễm, các bệnh gây dịch thường gặp và mới xuất hiện; chủ động trong phòng chống dịch bệnh, giám sát dịch tễ chặt chẽ, phản ứng nhanh để xử lý ổ dịch kịp thời, hạn chế tối đa số mắc, tử vong và tác hại của dịch, khống chế không để dịch lớn xảy ra. Hạn

ché, tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, an toàn vệ sinh thực phẩm, dinh dưỡng, bệnh học đường. Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện tỉnh, huyện. Phát triển y tế phổ cập bác sĩ gia đình, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao phủ y tế toàn dân kết hợp với phát triển y tế chuyên sâu. Tăng cường chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Phát triển y tế ngoài công lập, tăng cường phối hợp y tế công-tư, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

- Chủ động duy trì mức sinh thấp hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, không chệch tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, đáp ứng đủ nhu cầu dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản có chất lượng, tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương và các sở, ban ngành.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng; tăng cường nhân lực y tế, đặc biệt là đội ngũ bác sĩ, trong đó ưu tiên cho vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và một số chuyên khoa (y tế dự phòng, lao, tâm thần, pháp y, giám định y khoa, nhi...); chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao; phấn đấu tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sĩ và điều dưỡng, kỹ thuật viên..., bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng hiệu quả nhân lực y tế, coi trọng việc bồi dưỡng y đức và thực hiện qui tắc ứng xử trong các cơ sở y tế.

- Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính y tế theo hướng tăng đầu tư công cho y tế, phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, giảm tỷ lệ chi trực tiếp từ hộ gia đình cho chăm sóc sức khỏe; phân bổ và sử dụng tài chính y tế hợp lý, hiệu quả.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, máu, chế phẩm máu có chất lượng, với giá cả hợp lý đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, chữa bệnh của nhân dân; quản lý, sử dụng thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế đáp ứng nhu cầu sử dụng; bảo đảm trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng.

- Tăng cường năng lực quản lý và năng lực thực hiện chính sách y tế, đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển hệ thống thông tin y tế đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế.

3. Các chỉ tiêu y tế cơ bản đến năm 2015 và năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm	Năm
----	----------	----------	-----	-----

			2015	2020
	Chỉ tiêu đầu vào			
1	Số bác sĩ/10.000 dân	5,4	8	10
2	Số dược sĩ đại học/10.000 dân	0,94	1,6	2,0
3	Tỷ lệ thôn buôn có nhân viên y tế hoạt động (%)	100	100	100
4	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ (%)	52	80	100
5	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi (%)	100	100	100
6	Số giường bệnh viện/10.000 dân	19,3	28	35
	<i>Trong đó: Số giường bệnh viện công lập/10.000 dân</i>		20,5	25,2
	Chỉ tiêu hoạt động			
7	Tỷ lệ trẻ < 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ (%)	> 95	> 95	> 95
8	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 (%)	Theo chuẩn cũ 49%	50	100
9	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	45,5	70	≥ 80
10	Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại (%)	15	20	25
11	Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh xử lý chất thải y tế đạt chuẩn (%)	70	85	100
	Chỉ tiêu đầu ra			
12	Tỷ suất chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống	70	58	48
13	Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống (%)	19,2	16,8	14,5
14	Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống (%)	25	19,3	< 15
15	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (%) (cân nặng/tuổi)	19,1	< 15	<12
16	Tỷ lệ trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2500 gam (%)	< 5	< 4	< 4
17	Quy mô dân số (người)	868.500	901.000	942.000
18	Mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm (‰)	0,4	0,2 - 0,3	0,2 - 0,3
19	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên (%)	1,05	1	<1
20	Tỷ số giới tính khi sinh (số trẻ trai/100 trẻ gái)	112/100	≤110/100	≤110/100
21	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	< 0,3	< 0,3	< 0,3

4. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

- Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố vững chắc; y tế chuyên sâu phát triển đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân trong tỉnh, giảm rõ rệt tình trạng chuyển tuyến.

- Kết hợp hài hòa giữa y tế công lập và y tế ngoài công lập, trong đó y tế công lập giữ vai trò nòng cốt. Nguồn tài chính cho y tế chủ yếu từ ngân sách nhà

nước và bảo hiểm y tế. Kết hợp tốt y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Mở rộng mạng lưới bác sĩ gia đình để làm nhiệm vụ khám chữa bệnh và dự phòng bệnh ngay tại cộng đồng.

- Mọi người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần; nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, huy động sự tham gia của toàn xã hội thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Đưa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân thành một nội dung quan trọng trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể hóa thành những mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản; hàng năm, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đó là một tiêu chuẩn quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

- Nâng cao trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể nhân dân; đồng thời huy động các tổ chức kinh tế, xã hội tham gia tích cực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Củng cố, phát triển hệ thống y tế

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 371/QĐ-TTg, ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển y tế biên, đảo Việt Nam đến năm 2020”; tiếp tục củng cố, phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Quy hoạch phát triển y tế Phú Yên đến năm 2020.

2.1. Phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, trọng tâm là: Xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh đạt chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2015-2020. Duy trì và tăng cường năng lực hoạt động các Trung tâm: Phòng, chống HIV/AIDS; Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Truyền thông-Giáo dục sức khỏe; Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm; Pháp y; Giám định y khoa; củng cố và phát triển các Trung tâm y tế cấp huyện, từng bước hoàn thiện mô hình các đơn vị y tế cấp huyện phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

2.2. Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh, bảo đảm cho mọi người dân tiếp cận một cách thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, bao gồm

cả các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; bảo đảm sự phát triển cân đối, hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, trọng tâm đến năm 2020 là:

- Mở rộng quy mô và phát triển theo hướng chuyên sâu các bệnh viện tuyến tỉnh. Phân đầu đến năm 2020: Bệnh viện Đa khoa tỉnh có quy mô 700 giường bệnh, phân đầu đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 1 trước năm 2020; Bệnh viện Sản - Nhi 400 giường bệnh; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi 150 giường bệnh; Bệnh viện Tâm thần 100 giường bệnh; Bệnh viện Y học cổ truyền 150 giường bệnh; Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng 150 giường bệnh; Bệnh viện Mắt 100 giường bệnh; Bệnh viện Phong và Da liễu 100 giường bệnh; Bệnh viện đa khoa khu vực phía Bắc tỉnh (phát triển từ Bệnh viện đa khoa huyện Tuy An) 150 giường bệnh; Bệnh viện đa khoa khu vực phía Tây tỉnh (phát triển từ Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Hòa) 150 giường bệnh.

- Chuẩn bị các điều kiện để thành lập: Trung tâm sức khỏe lao động và môi trường; Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế; Trung tâm Răng Hàm Mặt; Trung tâm Vận chuyển cấp cứu.

- Phát triển và mở rộng quy mô các bệnh viện đa khoa huyện, thị xã, thành phố từ 100 - 150 giường bệnh.

- Phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập và y tế cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhiệm vụ đặt ra phân đầu đến năm 2020: Có 02 - 03 Bệnh viện tư nhân với tổng số giường bệnh là 150-300 giường; trên 75% trường mầm non, trường THCS, THPT có ít nhất 01 cán bộ y tế học đường; trên 70% các doanh nghiệp có từ 200 đến dưới 500 công nhân có 1- 3 nhân viên y tế phục vụ, doanh nghiệp có từ 500 công nhân trở lên có trạm y tế tại doanh nghiệp.

- Xây dựng, thành lập Trung tâm cấp cứu 115, các đội cấp cứu ngoại viện và dịch vụ bác sĩ gia đình.

2.3. Hoàn thiện mạng lưới y tế tuyến xã nhằm nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, có chất lượng, trọng tâm là:

- Tiếp tục thực hiện quản lý y tế tuyến xã theo mô hình Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố;

- Tích cực triển khai xây dựng xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020, trong đó đặc biệt quan tâm việc củng cố, phát triển để giữ vững được tiêu chí quốc gia về y tế xã sau khi được công nhận;

- Tổ chức triển khai Thông tư số 07/2013/TT-BYT, ngày 08/3/2013 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản.

2.4. Phát triển mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc; chủ động cung ứng thường xuyên, đủ thuốc có chất lượng, giá cả hợp lý và ổn định thị trường thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân.

2.5. Kiện toàn, hoàn thiện và phát triển Chi cục Dân số-KHHGD tỉnh, Trung tâm Dân số-KHHGD huyện/thị xã/thành phố; kiện toàn đội ngũ viên chức dân số xã và cộng tác viên dân số ở thôn, buôn theo quy định.

3. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế Phú Yên đến năm 2020.

- Nâng cấp Trường Trung cấp Y tế lên Trường Cao đẳng Y tế.

- Thực hiện đa dạng hóa phương thức, loại hình đào tạo; chú trọng đào tạo sau đại học về chuyên môn, kỹ thuật để nâng cao năng lực cán bộ y tế và phát triển kỹ thuật ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.

- Duy trì 100% Trạm y tế có bác sĩ, có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh, có cán bộ làm công tác y học cổ truyền.

- Tăng cường đào tạo nhân viên y tế thôn, bản, từng bước hướng tới mục tiêu hầu hết nhân viên y tế thôn, bản có trình độ sơ học và trung học.

- Thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực y tế. Triển khai các giải pháp hiệu quả, phù hợp để tăng cường thu hút cán bộ y tế làm việc lâu dài tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn...

4. Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Chủ động thực hiện các biện pháp dự phòng tích cực, thực hiện quản lý, giám sát dịch chặt chẽ; khống chế và dập tắt kịp thời các bệnh dịch xảy ra, phản ứng nhanh để xử lý ổ dịch kịp thời, hạn chế tối đa số mắc, tử vong và tác hại của dịch. Phấn đấu giảm nhanh tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, loại trừ bệnh phong, bệnh sởi; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm.

- Tăng cường các hoạt động giám sát và kiểm soát các chất thải gây ô nhiễm môi trường; xử lý đúng quy trình các chất thải y tế và chất thải độc hại. Triển khai tích cực các biện pháp tiến tới kiểm soát các yếu tố nguy cơ của các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống, hành vi, như: Hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, chế độ ăn không hợp lý, ngộ độc thực phẩm...

- Triển khai tích cực các biện pháp kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, thường xuyên thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành việc thực hiện quy định

của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm. Chú trọng nâng cao năng lực kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chiến lược quốc gia thuộc ngành y tế trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng chống tai nạn, thương tích, tai nạn lao động, đuối nước, bệnh nghề nghiệp, phòng chống HIV/AIDS. Chủ động triển khai các giải pháp thích hợp để phòng và khắc phục nhanh hậu quả đối với sức khỏe do thảm họa, thiên tai, biến đổi khí hậu, bạo lực gia đình...

5. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng

- Phát triển kỹ thuật ở tất cả các tuyến, bảo đảm thực hiện được hầu hết danh mục kỹ thuật theo phân tuyến của Bộ Y tế; các bệnh viện tuyến tỉnh có thể thực hiện được một số kỹ thuật vượt tuyến, từng bước giảm dần tỷ lệ chuyển tuyến Trung ương.

- Kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền để đạt hiệu quả tốt trong chẩn đoán và điều trị bệnh, đặc biệt là trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, tại tuyến y tế cơ sở. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách quốc gia về y học cổ truyền; củng cố và phát triển các chuyên khoa của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khoa y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện và hoạt động khám, chữa bệnh y học cổ truyền tại tuyến xã.

- Tích cực thực hiện chăm sóc liên tục và toàn diện cho người bệnh; xây dựng chương trình bảo đảm và cải thiện chất lượng phục vụ người bệnh; nâng cao ý thức, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, kiện toàn cơ chế xử lý, phản hồi ý kiến, bảo vệ quyền lợi của người bệnh.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị; tăng cường kiểm soát kê đơn, sử dụng thuốc, chỉ định xét nghiệm, chỉ định kỹ thuật nhằm hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng thuốc và công nghệ y tế; thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm tai biến, sai sót chuyên môn, bảo đảm an toàn tối đa cho người bệnh.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ như: Khám chữa bệnh theo yêu cầu, mô hình bác sỹ gia đình, trung tâm tư vấn sức khỏe nhằm tạo điều kiện để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế.

- Nâng cao năng lực quản lý bệnh viện, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ở các bệnh viện; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện. Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp đối với mỗi bệnh viện trong tỉnh; ban hành cơ chế quản lý, kiểm định và kiểm soát chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Nâng cao năng lực cán bộ để thực hiện tốt công tác giám định tư pháp (giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần) và giám định y khoa.

6. Triển khai hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, Dân số - KHHGD

- Tăng cường phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật; cập nhật, cung cấp thông tin tới các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng; song song với việc triển khai tích cực các hoạt động truyền thông, giáo dục phù hợp với từng nhóm đối tượng để huy động toàn xã hội tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, dân số và KHHGD.

- Kiện toàn mạng lưới cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật, đảm bảo cung cấp các gói dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản thiết yếu ở tất cả các tuyến và bao phủ toàn tỉnh. Mở rộng cung cấp các dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng thu thập, xử lý thông tin chuyên ngành dân số, sức khỏe sinh sản trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin; cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành ở các cấp.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm chấn chỉnh và xử lý những vi phạm chính sách pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản và KHHGD.

7. Tăng cường quản lý thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế và trang thiết bị y tế

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc và sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước của các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP). Các doanh nghiệp bán buôn thuốc đạt tiêu chuẩn thực hành phân phối thuốc (GDP), các cơ sở bán lẻ thuốc đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP) theo lộ trình của Bộ Y tế.

Xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm của tỉnh đạt tiêu chuẩn thực hành tốt phòng kiểm nghiệm (GLP), đồng thời tăng cường kiểm soát chất lượng thuốc lưu thông trên thị trường.

- Tăng cường công tác quản lý giá thuốc và tiếp tục thực hiện đấu thầu tập trung thuốc, vật tư y tế tiêu hao, sinh phẩm y tế nhằm thống nhất giá thuốc trên địa bàn, bảo đảm cung ứng kịp thời, đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ sở y tế công lập. Quản lý chặt chẽ quy chế kê đơn, bán thuốc theo đơn tại các cơ sở bán lẻ thuốc, bảo đảm sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Đầu tư trang thiết bị y tế:

+ Thực hiện đồng bộ việc đầu tư trang thiết bị gắn với đào tạo cán bộ để khai thác và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị được đầu tư, tránh lãng phí;

+ Thực hiện đầu tư đủ trang thiết bị thiết yếu và từng bước đầu tư trang thiết bị hiện đại cho hệ thống y tế dự phòng, hệ thống khám chữa bệnh và phục hồi chức năng của tuyến tỉnh, huyện;

+ Từng bước đầu tư đủ trang thiết bị y tế thiết yếu cho tuyến xã trên cơ sở khả năng triển khai các hoạt động chuyên môn về chăm sóc sức khỏe ban đầu.

8. Đổi mới cơ chế tài chính và đầu tư

- Phân đầu tăng tỷ lệ chi ngân sách hàng năm cho y tế, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách địa phương, phân đầu tỷ lệ chi ngân sách y tế/tổng chi ngân sách địa phương bằng mức bình quân chung của cả nước. Dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho lĩnh vực y tế dự phòng (theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội). Bảo đảm đủ kinh phí cho hoạt động thường xuyên của Trạm y tế xã, phường, thị trấn và phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, buôn. Đảm bảo đủ chi phí y tế cho đối tượng nghèo, người cận nghèo, người có công, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Tích cực thực hiện các biện pháp nhằm huy động vốn đầu tư, bao gồm cả ngân sách nhà nước, Trái phiếu Chính phủ, các nguồn vốn vay, viện trợ quốc tế, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác; tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa về y tế, tích cực huy động sự đóng góp của cộng đồng.

- Mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ; gắn việc áp dụng quy định mức giá thu dịch vụ y tế mới với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân, lộ trình cải cách tiền lương; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ, bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ ở từng tuyến và khả năng chi trả của nhân dân; minh bạch giá dịch vụ y tế.

- Đẩy mạnh bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên; tăng cường bảo hiểm y tế tự nguyện, xây dựng kế hoạch và lộ trình để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

9. Phát triển hệ thống thông tin y tế

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin y tế ở các cấp và cơ chế chia sẻ, phản hồi thông tin; nâng cao chất lượng thông tin y tế. Tăng cường khả năng tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu, thông tin y tế phục vụ cho hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch, quản lý ngành y tế.

- Từng bước hiện đại hóa hệ thống thông tin y tế, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với khả năng tài chính, kỹ thuật và nhu cầu sử dụng của từng tuyến;

phát triển các phần mềm, xây dựng phương thức trao đổi thông tin, truyền tin, gửi báo cáo, số liệu qua trang thông tin điện tử.

10. Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

- Kiện toàn mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe. Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực hoạt động và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe cho các tuyến.

- Xây dựng chương trình truyền thông phù hợp với nhóm đối tượng theo vùng, địa phương, phù hợp với các yếu tố văn hóa, giới, lứa tuổi. Phát triển các mô hình truyền thông hiệu quả tại cộng đồng; mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông để nâng cao nhận thức của toàn xã hội với quan điểm “Sức khỏe cho mọi người” và “Mọi người vì sức khỏe”.

- Chú trọng truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi cho nhân dân về lối sống và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe sinh sản, tình dục không an toàn. Nâng cao nhận thức về sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, rèn luyện thể dục - thể thao và các chính sách về y tế như lợi ích, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế...

11. Phát triển khoa học công nghệ y tế

- Từng bước hiện đại hóa kỹ thuật y học chuyên môn sâu trong lĩnh vực phòng bệnh, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, kiểm nghiệm, giám định... Đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại trong chẩn đoán, điều trị bệnh, phục hồi chức năng, kiểm định, giám định vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường nước, không khí, đất.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải y tế, đảm bảo các bệnh viện đều phải có hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế; các trạm y tế xã tối thiểu phải có hệ thống xử lý chất thải rắn y tế.

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý ngành, quản lý bệnh viện, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý trang thiết bị y tế...

12. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chính sách y tế, kiểm tra và trợ giúp pháp lý cho các đơn vị thuộc ngành y tế nhằm thực thi tốt hệ thống chính sách, pháp luật đối với ngành y tế.

- Đổi mới toàn diện cơ chế quản lý, điều hành tại các đơn vị y tế trong ngành để phát huy tính năng động, sáng tạo của mỗi đơn vị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính, đầu tư, công sản, trang thiết bị và nhân sự, trước hết cho lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo các khoa, phòng và các cán bộ tổ chức cán bộ, kế hoạch, tài chính.

- Tăng cường xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng có sự tham gia rộng rãi của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và người dân. Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá tác động của chính sách, kế hoạch y tế.

- Áp dụng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các lĩnh vực của ngành y tế, nhất là quy chuẩn về chất lượng dịch vụ y tế. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các cơ sở y tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân trong việc tham gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt chú ý cải tiến thủ tục khám, chữa bệnh cho đối tượng bảo hiểm y tế, người nghèo, đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý tại các cơ sở y tế.

- Tăng cường hoạt động thanh tra y tế trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, chú trọng các hoạt động thanh tra về kinh doanh, phân phối thuốc, về khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập.

13. Triển khai mạnh mẽ xã hội hóa công tác y tế

- Tiếp tục mở rộng xã hội hóa công tác y tế của tỉnh. Đẩy nhanh tốc độ bao phủ bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ bảo hiểm y tế theo hướng đa dạng hóa.

- Tăng cường huy động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường sống, loại bỏ các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe và thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh cá nhân nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

- Tranh thủ sự viện trợ của các tổ chức quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực y tế.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế: Chịu trách nhiệm toàn diện, chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, hội, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh; theo dõi, giám sát, kiểm tra, báo cáo định kỳ hàng năm, 5 năm, 10 năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND Tỉnh nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đồng thời đưa các mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và cả giai đoạn.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế cân đối, bố trí ngân sách phù hợp thực hiện Kế hoạch; đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức các hoạt động y tế hàng năm theo quy định.

4. Sở Nội vụ: Căn cứ văn bản của Trung ương quy định, phối hợp với Sở Y tế tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy y tế của tỉnh phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và bảo đảm hoạt động hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thực hiện tốt các nội dung giáo dục về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh trong nhà trường; kiện toàn hệ thống y tế trường học, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học; triển khai các chương trình chăm sóc sức khỏe cho học sinh, sinh viên.

6. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đảm bảo chính sách y tế cho các đối tượng dễ bị tổn thương (người nghèo, cận nghèo, người già, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội...).

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đặc biệt là những nghiên cứu về nâng cao chất lượng chăm sóc, phục vụ người bệnh.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phân bổ dân cư, sử dụng đất, đặc biệt quan tâm bố trí quỹ đất cho các cơ sở y tế cả công lập và ngoài công lập; gắn việc khai thác tài nguyên với bảo vệ môi trường sinh thái; hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan tổ chức thực hiện chương trình vận động toàn dân luyện tập thể dục, thể thao nhằm bảo vệ, nâng cao sức khỏe.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan truyền thông đại chúng tích cực tham gia các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục về các biện pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

12. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với Sở Y tế thực hiện hiệu quả công tác kết hợp quân dân y trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và bộ đội trên địa bàn tỉnh, góp phần củng cố an ninh, quốc phòng tại mỗi địa phương trên địa bàn tỉnh.

14. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan tăng cường đấu tranh, kiểm tra phát hiện và xử lý các cơ sở vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Dân số - KHHGD, pháp luật về khám chữa bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm và HIV/AIDS... theo quy định.

15. Ban Dân tộc: Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

16. Các sở, ban ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với ngành Y tế xây dựng kế hoạch hoạt động lồng ghép nội dung bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân vào hoạt động của cơ quan, đơn vị; định kỳ thông tin, báo cáo về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh.

17. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của tỉnh, chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động của huyện, thị xã, thành phố; quy hoạch quỹ đất, ưu tiên bố trí đất để phát triển cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; tích cực phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của UBND tỉnh (Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Y tế và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh); đảm bảo kinh phí đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí hỗ trợ các chương trình, đề án theo quy định. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn căn cứ vào Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của tỉnh, huyện và điều kiện thực tế của địa phương, có trách nhiệm xây dựng và triển khai tốt Kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân của địa phương trên địa bàn.

18. Đề nghị Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội, đoàn thể tỉnh: Tích cực phối hợp với ngành y tế tiếp tục đẩy mạnh công tác vận động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

* Định kỳ hàng năm, 5 năm và 10 năm, các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Quang Nhất